

Hải Phòng, ngày 11 tháng 04 năm 2023



BÁO CÁO
KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
NĂM 2021

- Căn cứ công văn số 3943/BGDDĐT – GDDH ngày 31/08/2018 về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-YDHP ngày 28/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, hoạt động các đơn vị của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 1164/ QĐ-YDHP ngày 09/9/21 của Trường đại học Y Dược Hải Phòng về quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan;
- Căn cứ kế hoạch năm học 2021-2022 của Trung tâm Khảo thí và Quản lý CLGD.

Trung tâm Khảo thí và QLCLGD báo cáo kết quả thực hiện khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2021 - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

I. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu tình hình việc làm của sinh viên (SV) được đào tạo tại Trường sau khi tốt nghiệp từ 7-12 tháng; Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp.
- Biết được chất lượng sinh viên do Trường đào tạo sau tốt nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu việc làm của nhà tuyển dụng.
- Có cơ sở dữ liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo cuối năm, công khai các điều kiện BDCLGD, có số liệu báo cáo công tác tuyển sinh của Trường, có minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

II. Quá trình thực hiện.

2.1. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2021.

2.2. Thời gian khảo sát: Tháng 1 đến hết tháng 2 năm 2023.

2.3. Phương pháp khảo sát và phân tích số liệu

- Khảo sát online bằng phiếu khảo sát trên Google form gửi cho cựu sinh viên
- Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS

2.4. Phiếu khảo sát: Xem chi tiết mẫu phiếu khảo sát kèm theo báo cáo



III. Kết quả chung

3.1. Kết quả chung

Khoa	Tổng Sinh viên tốt nghiệp	Sinh viên tham gia khảo sát	
		Số lượng	Tỷ lệ %
Dược học	80	80	100,00%
Điều Dưỡng	60	34	56,67%
Kỹ thuật y học (KTYH)	68	56	82,35%
Răng hàm mặt (RHM)	49	43	87,76%
Y Khoa	535	309	57,76%
Y học cổ truyền (YHCT)	39	39	100%
Y học dự phòng (YHDP)	50	39	78,00%
Tổng	881	600	68,1%

Nhận xét: Tỷ lệ cựu sinh viên tham gia khảo sát chung là 68,1%, Trong đó cao nhất ở các ngành đào tạo Dược học và YHCT; thấp nhất (<60%) ở các ngành Điều dưỡng và Y khoa.

3.2. Kết quả cụ thể

3.2.1. Xếp loại tốt nghiệp của cựu SV

Ngành học	Giỏi	Khá	Trung bình	Trung bình - Khá	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	5,0%	78,8%	12,5%	3,7%	0%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	5,9%	88,3%	2,9%	2,9%	0%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	3,6%	83,9%	7,1%	5,4%	0%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	2,3%	74,4%	4,7%	18,6%	0%	100%
Y Khoa(n=309)	2,3%	85,4%	8,1%	4,2%	0%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	2,4%	56,1%	22,0%	2,4%	17,1%	100%
Y học dự phòng(n=39)	0,0%	84,6%	7,7%	7,7%	0%	100%
Tổng(n=600)	2,8%	81,7%	9%	5,3%	1,2%	100%

Nhận xét: Tỷ lệ cựu sinh viên tốt nghiệp loại Khá chiếm tỷ lệ cao nhất ở tất cả các ngành học. Sau đó là xếp loại Trung bình, tỷ lệ thấp nhất là xếp loại Giỏi và Trung bình-Khá. Trong số những cựu sinh viên tham gia khảo sát, không có sinh viên nào xếp loại dưới Trung bình.

3.2.2. Tình hình việc làm

Ngành học	Đã có việc làm		Chưa có việc làm		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Dược học (n=80)	79	98,7%	1	1,3 %	80	100%
Điều Dưỡng (n=34)	33	97,1%	1	2,9%	34	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	54	96,4%	2	3,6 %	56	100%
Răng hàm mặt(n=43)	41	95,3%	2	4,7 %	43	100%
Y Khoa(n=309)	293	94,8%	16	5,2 %	309	100%
Y học cổ truyền(n=39)	36	92,7%	3	7,3 %	39	100%
Y học dự phòng(n=39)	36	92,3%	3	7,7 %	39	100%
Tổng(n=600)	572	95,3%	28	4,7 %	600	100%

Nhận xét: Tỷ lệ cựu sinh viên có việc làm chung toàn Trường là 95,3 %. Trong đó cao nhất là các ngành Dược học, Điều dưỡng, KTYH đạt tỷ lệ trên lần lượt là 98,7%, 97,1% và 96,4%

3.2.3. Thời gian sau tốt nghiệp có việc làm

Ngành học	Không trả lời	<3 tháng	Từ 3 đến <6 tháng	Từ 6 đến <9 tháng	Từ 9 đến <1 năm	Tổng
Dược học (n=80)	2,5%	72,5%	15,0%	6,3%	3,7%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	8,8%	64,7%	20,6%	0,0%	5,9%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	8,9%	76,9%	7,1%	7,1%	0,0%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	4,7%	88,3%	4,7%	2,3%	0,0%	100%
Y Khoa(n=309)	29,1%	40,2%	21,4%	3,2%	6,1%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	26,8%	34,1%	17,1%	19,6%	2,4%	100%
Y học dự phòng(n=39)	4,7%	88,3%	4,7%	2,3%	0,0%	100%
Tổng(n=600)	19,8%	53,2%	17,5%	5,1%	4,4%	100%

Nhận xét: Tỷ lệ cựu sinh viên tìm được việc làm trong 3 tháng đầu kể từ khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất ở tất cả các ngành học được khảo sát. Tuy nhiên tỷ lệ cựu sinh viên không trả lời ở câu hỏi này cũng chiếm tỷ lệ trên 20% ở ngành Y khoa và YHCT.

3.2.4. Tỷ lệ làm việc đúng chuyên ngành

Ngành học	Đúng chuyên ngành	Liên quan đến chuyên ngành	Không đúng chuyên ngành	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	62,5%	33,7%	1,3%	2,5%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	70,7%	17,6%	2,9%	8,8%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	85,7%	1,8%	3,6%	8,9%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	86,0%	9,3%	0,0%	4,7%	100%
Y Khoa(n=309)	53,1%	17,2%	0,6%	29,1%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	43,9%	9,8%	19,5%	26,8%	100%
Y học dự phòng(n=39)	53,9%	25,6%	5,1%	15,4%	100%
Tổng(n=600)	60,1%	17,3%	2,8%	19,8%	100%

Nhận xét:

- 60% số cựu sinh viên tham gia khảo sát làm việc đúng chuyên ngành được đào tạo và 17,3% làm việc liên quan đến ngành đào tạo; 2,8% không làm đúng chuyên ngành. Tuy nhiên cũng còn 19% cựu sinh viên không trả lời thông tin này.
- Ngành có tỷ lệ cựu sinh viên làm đúng chuyên ngành cao nhất là RHM và KTYH (86% và 85,7%); thấp nhất là ngành YHCT (43,9%)
- Ngành có tỷ lệ cựu sinh viên làm không đúng ngành cao nhất là YHCT (19,5%)

3.2.5. Hình thức tuyển dụng

Ngành học	Hình thức tuyển dụng							
	Phòng vấn	Thi tuyển	Xét hồ sơ	Phòng vấn + xét hồ sơ	Tự thành lập cơ sở	Xin qua giới thiệu	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	76,2%	5,0%	12,5%	0,0%	3,8%	0,0%	2,5%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	52,9%	23,6%	14,7%	0,0%	0,0%	0,0%	8,8%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	53,6%	19,6%	17,9%	0,0%	0,0%	0,0%	8,9%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	53,5%	16,3%	25,5%	0,0%	0,0%	0,0%	4,7%	100%
Y Khoa(n=309)	27,6%	23,9%	16,3%	2,2%	0,6%	0,3%	29,1%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	34,2%	24,4%	12,2%	0,0%	2,4%	0,0%	26,8%	100%
Y học dự phòng(n=39)	35,9%	28,2%	20,5%	0,0%	0,0%	0,0%	15,4%	100%
Tổng(n=600)	40,5%	20,8%	16,4%	1,1%	1,2%	0,2%	19,8%	100%

Nhận xét: Tỷ lệ cựu sinh viên được tuyển dụng bằng hình thức Phòng vấn chiếm tỷ lệ cao nhất ở tất cả các ngành học, sau đó là các hình thức tuyển dụng như Xét hồ sơ và thi tuyển.

3.2.6. Đặc điểm của đơn vị công tác

Ngành học	Đặc điểm của đơn vị công tác				
	Đơn vị công lập	Đơn vị tư nhân	Do bản thân tự thành lập	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	10,0%	85,0%	2,5%	2,5%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	32,4%	55,9%	2,9%	8,8%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	30,4%	57,1%	3,6%	8,9%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	18,6%	72,0%	4,7%	4,7%	100%
Y Khoa(n=309)	62,2%	8,4%	0,3%	29,1%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	41,5%	26,8%	4,9%	26,8%	100%
Y học dự phòng(n=39)	61,5%	23,1%	0,0%	15,4%	100%
Tổng(n=600)	46%	32,6%	1,6%	19,8%	100%

Nhận xét: Đặc điểm của đơn vị công tác có sự khác biệt giữa các ngành học

- Ngành học Dược học, Điều dưỡng, KTYH, RHM có cựu sinh viên làm việc trong các đơn vị tư nhân chiếm tỷ lệ cao nhất.
- Ngành học Y khoa, YHCT và YHDP có cựu sinh viên làm việc trong đơn vị công lập chiếm tỷ lệ cao nhất.

3.2.7. Mức thu nhập của cựu sinh viên

Ngành học	Thu nhập/tháng (đơn vị: triệu VNĐ)						
	< 3	Từ 3 đến <5	Từ 5 đến <7	Từ 7 đến <10	Từ 10 trở lên	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	2,5%	0,0%	18,7%	48,8%	27,5%	2,5%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	2,9%	32,4%	23,5%	29,5%	2,9%	8,8%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	0,0%	14,3%	10,7%	55,4%	10,7%	8,9%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	2,3%	0,0%	0,0%	44,2%	46,5%	7,0%	100%
Y Khoa(n=309)	6,1%	24,6%	19,7%	14,3%	5,9%	29,4%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	0,0%	22,0%	12,2%	24,4%	12,3%	29,1%	100%
Y học dự phòng(n=39)	2,6%	38,5%	15,4%	20,5%	7,7%	15,3%	100%
Tổng(n=600)	4%	19,3%	17,1%	26,6%	12,5%	20,5%	100%

Nhận xét: Có đến 20,5% cựu sinh viên không trả lời về thông tin này. Trong số những cựu sinh viên trả lời, cho thấy:

- Tỷ lệ cựu sinh viên có thu nhập mức trên 10 triệu cao nhất ở ngành học RHM, sau đó là ngành Dược học.
- Tỷ lệ cựu sinh viên có mức thu nhập từ 7-10 triệu cao nhất ở ngành KTYH, sau đó là ngành Dược học và RHM.
- Các ngành Y Khoa, YHCT, YHDP và Điều dưỡng thì mức thu nhập của cựu sinh viên trải đều trong các mức từ 3 đến dưới 10 triệu.

3.2.8. Tình hình đi học tiếp của cựu sinh viên

Ngành học	Thực hành Khám - chữa bệnh 18 tháng	Đào tạo liên tục chuyên khoa 3-6-9 tháng	Sau đại học (BS Nội trú, Thạc sĩ, tiến sĩ, CK1)	Không trả lời	Tổng
Dược học (n=80)	0,0%	0,0%	1,3%	98,7%	100%
Điều Dưỡng (n=34)	2,9%	2,9%	0,0%	94,2%	100%
Kỹ thuật y học(n=56)	0,0%	0,0%	5,4%	94,6%	100%
Răng hàm mặt(n=43)	0,0%	0,0%	0,0%	100,0%	100%
Y Khoa(n=309)	10,4%	4,2%	9,7%	75,7%	100%
Y học cổ truyền(n=39)	2,6%	2,6%	2,6%	92,2%	100%
Y học dự phòng(n=39)	2,6%	2,6%	2,6%	92,2%	100%
Tổng(n=600)	6,1%	3,2%	5,8%	84,9%	100%

Nhận xét: Nhìn chung tỷ lệ cựu sinh viên có nhu cầu học tiếp sau 1 năm đi làm thấp. Trong đó chủ yếu cựu sinh viên ngành Y khoa có nhu cầu học thực hành 18 tháng và học sau đại học chiếm tỷ lệ cao nhất.

3.2.9. Những ý kiến phản hồi khác của cựu sinh viên với Nhà Trường

- Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm
- Tăng cường đào tạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin
- Tăng cường thời lượng thực hành

- Đổi mới chương trình đào tạo
- Thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm

IV. Kết luận chung và Kiến nghị

4.2. Về số liệu khảo sát cựu sinh viên

- Tỷ lệ cựu sinh viên của Trường có việc làm là 95,3%, cao nhất là các ngành học Dược học, Điều dưỡng, KTYH và RHM và chủ yếu là tìm được việc làm trong vòng 3 tháng đầu sau khi tốt nghiệp.

- 60,1% tỷ lệ cựu sinh viên làm đúng chuyên ngành và 17,3% làm trong ngành có liên quan với ngành đào tạo.

- Ngành học Dược học, Điều dưỡng, KTYH, RHM có cựu sinh viên làm việc trong các đơn vị tư nhân chiếm tỷ lệ cao nhất.

- Ngành học Y khoa, YHCT và YHDP có cựu sinh viên làm việc trong đơn vị công lập chiếm tỷ lệ cao nhất.

- Hình thức tuyển dụng của cựu sinh viên Trường chủ yếu là: Phòng vấn, xét hồ sơ và thi tuyển,

Với những số liệu trong báo cáo, kính đề nghị Nhà trường, Khoa và các đơn vị liên quan sử dụng như một trong những căn cứ để điều chỉnh Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và các dịch vụ hỗ trợ người học... để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của đơn vị tuyển dụng và thị trường lao động.

4.2. Về triển khai khảo sát cựu sinh viên

- Nhìn chung tỷ lệ cựu sinh viên tham gia khảo sát đạt tỷ lệ 68,1%; Đồng thời, nhiều cựu sinh viên không trả lời một số thông tin trong phiếu khảo sát. Vì vậy trong các năm tiếp theo, đề nghị Nhà Trường và các đơn vị đầu mối, đơn vị phối hợp thống nhất đề xuất phương thức triển khai và hỗ trợ để thúc đẩy cựu sinh viên tham gia khảo sát đầy đủ hơn về số lượng và chất lượng; Nhằm thu thập được bộ số liệu đầy đủ, khách quan, tin cậy phản ánh chi tiết hơn thực trạng về tình hình việc làm của cựu sinh viên Trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mẫu phiếu khảo sát để thông tin thu thập làm rõ hơn các yếu tố liên quan đến tình hình việc làm.

- Nhà trường tiếp tục khảo sát và xem nội dung khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hằng năm.

TRUNG TÂM KHẢO THÍ & QLCLGD

NGƯỜI LÀM BÁO CÁO



Lữ Thị Xinh



Lê Thị Yến



PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Thân gửi các Anh/Chị cựu sinh viên,

Với mục tiêu tăng cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động, trường Đại học Y Dược Hải Phòng triển khai hoạt động khảo sát đánh giá thực trạng việc làm của cựu sinh viên.

Nhà trường rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của quý Anh/Chị. Ý kiến quý báu của quý Anh/Chị là cơ sở để ĐIỀU CHỈNH, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐẠO TẠO nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường luôn biến động cho các thế hệ sinh viên tương lai của Nhà trường.

Tất cả thông tin Anh/Chị cung cấp được hoàn toàn được bảo mật.

Trân trọng cảm ơn!

(Thời gian hoàn thành khảo sát dự kiến 2 - 3 phút)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:
2. Số CMND/CCCD:
3. Số điện thoại:
4. Mã sinh viên (bỏ qua nếu không nhớ):
5. Anh/chị là sinh viên thuộc chuyên ngành nào? (Chỉ đánh dấu một hình ô-van)

- ☐ Y khoa K37
- ☐ Y học dự phòng K9
- ☐ Y học cổ truyền K1
- ☐ Răng hàm mặt K7
- ☐ Dược chính quy K5
- ☐ Điều dưỡng chính quy K13
- ☐ Xét nghiệm y học K9



5. Xếp loại tốt nghiệp của anh/chị (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Giỏi
- ☐ Khá
- ☐ Trung bình – khá
- ☐ Trung bình

6. Theo anh/chị để trợ giúp sinh viên tìm việc làm tốt hơn, Nhà trường cần cải thiện thêm ở những điểm nào? (có thể chọn nhiều ý phù hợp)

- ☐ Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm
- ☐ Tăng cường đào tạo ngoại ngữ, công nghệ thông tin
- ☐ Tăng cường thời lượng thực hành
- ☐ Chương trình đào tạo cần đổi mới, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
- ☐ Thường xuyên tổ chức "Ngày hội việc làm"
- ☐ Mục khác:

B. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM

1. Tình hình việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của anh/chị? (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Đã có việc làm (Chuyển đến Mục I)
- ☐ Đang học tiếp (Chuyển đến câu Mục II)
- ☐ Chưa tìm được việc làm (Chuyển đến câu Mục III)

I. Trường hợp đã có việc làm

1. Bao lâu sau tốt nghiệp thì anh/chị tìm được việc làm (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Dưới 3 tháng
- ☐ Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng
- ☐ Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng
- ☐ Từ 9 tháng đến 12 tháng

2. Công việc hiện tại có đúng chuyên ngành đã được đào tạo? (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Đúng chuyên ngành được đào tạo
- ☐ Liên quan đến chuyên ngành được đào tạo
- ☐ Không đúng chuyên ngành được đào tạo
- ☐ Mục khác:.....

3. Tỉnh/ thành phố nơi anh chị làm việc:

.....

4. Tên cơ quan hiện tại anh/ chị đang làm việc:

.....

5. Cơ quan anh/chị đang làm việc thuộc loại hình tổ chức nào? (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Đơn vị công lập
- ☐ Đơn vị tư nhân
- ☐ Có vốn nước ngoài
- ☐ Do bản thân anh/chị, gia đình anh chị tự thành lập (hoặc có cổ phần)

6. Anh/chị được tuyển dụng bằng hình thức nào? (Chỉ đánh dấu một hình ôvan)

- ☐ Thi tuyển
- ☐ Phỏng vấn
- ☐ Xét hồ sơ
- ☐ Mục khác:

7. Mức lương khởi điểm của anh/chị là bao nhiêu? :.....

8. Mức lương hiện tại của anh chị là bao nhiêu?:

II. Trường hợp chưa có việc làm

1. Anh/ chị vui lòng cho biết những khó khăn gặp phải khi tìm việc là gì? *

(có thể chọn nhiều ý phù hợp)



- ☐ Yêu cầu năng lực chuyên môn cao hơn trình độ được đào tạo
- ☐ Yêu cầu về ngoại ngữ
- ☐ Yêu cầu về tin học
- ☐ Yêu cầu về kinh nghiệm chuyên môn
- ☐ Yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề Khó tìm được công việc, đơn vị phù hợp
- ☐ Mục khác:

III. Trường hợp đang học tiếp

1. Tên Trường nơi anh/ chị đang theo học:
2. Loại hình đào tạo anh chị đang tham gia học? *(Chỉ đánh dấu một hình ôvan)*
 - ☐ Thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề
 - ☐ Đào tạo liên tục cấp chứng chỉ (3 tháng - 6 tháng - 9 tháng)
 - ☐ Sau đại học (cao học, chuyên khoa I ...)
 - ☐ Bác sĩ nội trú bệnh viện
 - ☐ Mục khác:
3. Cơ quan/ đơn vị cử anh/chị đi học:

Trân trọng cảm ơn ý kiến quý báu của anh/chị !